

THIÊN NAM DƯ HẠ TẬP VÀ DẤU ẤN TRƯỚC THUẬT CỦA ĐỖ NHUẬN

Trịnh Ngọc Ánh
Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Tóm tắt: Bài viết giới thiệu và phân tích vai trò của Đỗ Nhuận (1446 – ?) trong lịch sử văn hóa thời Lê sơ, với trọng tâm là bộ sách Thiên Nam dư hạ tập. Qua khảo cứu tiểu sử, trước tác và đặc biệt là vai trò trong việc biên soạn sách điển chế quốc gia, bài viết làm rõ vị trí của Đỗ Nhuận như một văn thần tiêu biểu thời Hồng Đức. Đồng thời, bài viết cũng khảo sát Thiên Nam dư hạ tập từ góc độ văn bản học, sử học và hệ thống hóa các trích dẫn trong sử liệu trung đại, nhằm xác định giá trị tư liệu của bộ sách trong nghiên cứu điển chế Việt Nam.

Từ khóa: Điển chế; Đỗ Nhuận; Hồng Đức; Thiên Nam dư hạ tập; thời Lê sơ; văn bản Hán Nôm.

Nhận bài ngày 25.07.2025; gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 26.9.2025
Liên hệ tác giả: Trịnh Ngọc Ánh ; email: tnanh@daihocthudo.edu.vn

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Lịch sử văn hóa trung đại Việt Nam ghi nhận thời Lê sơ là giai đoạn phát triển rực rỡ về thể chế, giáo dục, văn học và điển chế. Trong tiến trình ấy, sự đóng góp của các văn thần như Đỗ Nhuận (1446 – ?) là một dấu ấn đặc biệt. Với học vấn uyên bác, nhân cách mẫu mực và tài năng thơ phú, Đỗ Nhuận không chỉ là Phó Nguyên suý Tao Đàn lừng danh, mà còn là một trong những nhân vật chủ chốt tham gia trước thuật các công trình quan trọng dưới thời Lê Thánh Tông.

Trong số những di sản Hán Nôm gắn với tên tuổi Đỗ Nhuận, bộ *Thiên Nam dư hạ tập* có vị trí đặc biệt. Đây là bộ sách mang tính chất “hội yếu” – ghi chép điển chương, chế độ, pháp lệnh của nhà Lê – được vua Lê Thánh Tông đích thân chỉ đạo biên soạn từ năm 1483. Tuy nhiên, trải qua thời gian, bộ sách đã thất lạc phần lớn, hiện còn lại những văn bản rời rạc, gây nhiều tranh luận học thuật.

Bài viết này nhằm góp phần khắc họa chân dung Đỗ Nhuận như một “luơng thần đời Lê”, điểm lại các trước tác tiêu biểu, đặc biệt là khảo cứu vai trò của ông trong biên soạn *Thiên Nam dư hạ tập*, qua đó xác định vị trí của bộ sách này trong hệ thống sử liệu Việt Nam thời trung đại.

2. NỘI DUNG

2.1. Đỗ Nhuận - một luơng thần đời Lê sơ

Đỗ Nhuận (1446 - ?), người xã Kim Hoa, huyện Kim Hoa (nay thuộc xã Kim Hoa, huyện Mê Linh, Hà Nội), một con người đạo cao đức trọng, đã từng trải giữ các chức quan cao trong triều, là người thân tín được theo hầu cạnh vua, được vời vào hoàng cung dạy học cho vương tử, được vua phong cho làm Tao Đàn phó nguyên soái, được tham dự các buổi bình thơ của vua,... Đỗ Nhuận đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân khoa thi tiến sĩ năm Bính Tuất, niên hiệu Quang Thuận thứ 7 (1466) khi vừa tròn 20 tuổi (Trịnh Khắc Mạnh, 2008) Năm Tân Mão, niên hiệu Hồng Đức thứ hai (1471), với tài năng của mình, Đỗ Nhuận được nhậm chức Đông các hiệu thư, một chức quan vừa được đặt ngay trong năm

1471, trật chánh lục phẩm (Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ, Quyển XI, tờ 72a) Tháng 11 năm Đinh Mùi, niên hiệu Hồng Đức thứ 18 (1487), ông được làm Hàn lâm viện hiệu lý (Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ, Quyển XI, tờ 70b), chịu trách nhiệm *kiểm soát chính lý và sẵn sàng cho biết ý kiến về văn từ trong chiếu, chỉ, lệnh dụ, lệnh chỉ, cùng chú giải những chữ trong chiếu, chỉ, lệnh dụ, lệnh chỉ này khi có người hỏi tới*.¹

Là người học rộng hiểu sâu, văn hay đức tốt, nên ngay sau khi đỗ tiến sĩ, ông đã được trọng dụng và trở thành bề tôi thân tín của nhà vua, luôn được theo hầu bên cạnh, đàm đạo, xướng họa thơ văn. Tháng 3 năm Mậu Tý, niên hiệu Quang Thuận thứ 9 (1468), ông cùng với các quan Lê Hoàng Dục, Quách Đình Bảo được theo hầu vua về Lam Kinh. Trong chuyến đi này, ông và các quan cận thần cùng Hoàng thái tử, Kỳ quận công Lê Niệm đã họa lại các bài thơ ngự chế của đức vua, sáng tác *Anh hoa hiếu trị thi tập*, có nhiều câu sang sảng như vàng gieo (Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ, Quyển XI, tờ 48a). Cuối tháng 11 mùa đông năm Canh Dần, niên hiệu Hồng Đức thứ nhất (1470), vua Lê Thánh Tông thân hành dẫn đại quân đi đánh Chiêm Thành, Đỗ Nhuận là người tin cẩn được theo hầu vua. Ngày 25 tháng đó, Đỗ Nhuận hầu trước mặt vua, cùng bàn về “đạo lý”, về “thiên văn học”, cho thấy tầm học rộng hiểu sâu của vua và bề tôi Đỗ Nhuận (Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ, Quyển XI, tờ 59b-60a). Khi Kim ngô vệ chỉ huy sứ Quách Cảnh nhà Minh sang đuổi bắt những kẻ chạy trốn (năm Ất Mùi, niên hiệu Hồng Đức thứ sáu (1475), để thể hiện tình hòa hiếu, mối quan hệ bang giao giữa hai nước, Đỗ Nhuận và các quan Thái phó Kỳ quận công Lê Niệm, Lai bộ Thượng thư Hoàng Nhân Thiêm, Binh bộ Thượng thư Đào Tuấn, Hàn lâm viện thị độc kiêm Đông các đại học sĩ Thân Nhân Trung, Đông các hiệu thư Quách Đình Bảo, Hàn lâm viện Thị thư Vũ Kiệt và Sử quan tu soạn Ngô Sĩ Liên được vua sai làm thơ để tiễn Quách Cảnh (Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ, Quyển XIII, tờ 6a). Nhân hai năm Quý Sửu (1493), Giáp Dần (1494), thóc lúc được mùa, vua đặt các bài ca vịnh để ghi niềm lành, ca ngợi chế độ với 9 chủ đề là *Phong niên* (năm được mùa), *Quân đạo* (đạo làm vua), *Thần tiết* (tiết tháo người làm tôi), *Minh lương* (vua sáng tôi hiền), *Anh hiền* (người tài giỏi), *Kỳ khí* (người tài ba), *Thư thảo* (viết thảo), *Văn nhân*, *Mai hoa*, gọi là *Quyển uyển cửu ca* (Chín khúc ca trong vườn quỳnh). Đỗ Nhuận cùng các văn thân khác là Thân Nhân Trung, Ngô Luân, Ngô Hoán, Nguyễn Xung Xác, Nguyễn Quang Bật, Nguyễn Đức Huấn, Vũ Dương, Ngô Thâm, Ngô Văn Cảnh, Phạm Trí Khiêm, Lưu Thư Ngạn, Nguyễn Nhân Bị, Nguyễn Tôn Miệt, Ngô Quyên, Nguyễn Bảo Khuê, Bùi Phổ, Dương Trực Nguyên, Chu Hoãn, Phạm Cẩn Trực, Nguyễn Ích Tôn, Đỗ Thuận Thứ, Phạm Nhu Huệ, Lưu Dịch, Đàm Thận Huy, Phạm Đạo Phú được vua sai họa lại văn chín khúc ca trên. Năm Ất Mão, niên hiệu Hồng Đức thứ 26 (1495), vua Lê Thánh Tông lập ra Tao Đàn, quy tụ các nhà thơ, nhà văn giỏi nhất đất nước gồm có 28 người ứng với 28 vì sao trên trời gọi là Tao Đàn nhị thập bát tú, Lê Thánh Tông làm Nguyên Súy, Đỗ Nhuận cùng tiến sĩ Thân Nhân Trung được cử làm Phó Nguyên Súy, Trạng nguyên Lương Thế Vinh làm Sái Phu Tao Đàn. Là Phó Nguyên Súy, Đỗ Nhuận giúp vua điều hành các buổi ngâm vịnh, xướng họa, bình luận thơ văn.

Trong lĩnh vực giáo dục, khoa cử, trước thuật, Đỗ Nhuận có vai trò quan trọng trong triều đình. Ông đã hai lần được vua Lê Thánh Tông giao cho trọng trách làm quan độc quyền chấm thi trong khoa thi năm Ất Mùi, niên hiệu Hồng Đức năm thứ sáu (1475) lấy 3 người là Vũ Tuấn Chiêu, Ông Nghĩa Đạt, Cao Quỳnh đỗ tiến sĩ cập cập đệ, 13 người đỗ tiến sĩ xuất thân, 27 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân và khoa thi năm Đinh Mùi, niên hiệu Hồng Đức thứ 18 (1487) (Trịnh Khắc Mạnh, 2008), lấy 3 người là Vũ Dương, Ngô Thâm, Lê Hùng đỗ tiến sĩ cập đệ, 23 người đỗ tiến sĩ xuất thân và 22 người đỗ đồng tiến sĩ xuất

thân. Sau ông được giữ chức Đông các Đại học sĩ, được vời vào cung dạy học cho các hoàng thái tử và cố vấn cho vua trong các lĩnh vực văn hóa, giáo dục.

Năm Quý Mão, niên hiệu Quang Đức thứ 14 (1483), ông khi đó là Đông các hiệu thư, cùng với Đông các đại học sĩ Thân Nhân Trung, Ngự sử đài phó đô ngự sử kiêm tả xuân phường tả trung doãn Quách Đình Bảo, Hàn lâm viện thị độc Đông các hiệu thư Đào Cừ, Hàn lâm thị thư Đàm Văn Lễ, được vua ra sắc dụ cho biên soạn các sách *Thiên Nam dư hạ tập* và *Thân chinh ký sự* (Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ, Quyển XIII, tờ 36a). Ngày 15 tháng 8 năm Hồng Đức thứ 15 (1484), vua cho là từ năm Đại Bảo thứ 3 triều Thái Tông, việc dựng bia ghi tên tiến sĩ các khoa vẫn chưa làm được, nên sai Lễ bộ Thượng thư Quách Đình Bảo biên rõ họ tên, thứ bậc các tiến sĩ từ khoa thi năm Đại Bảo thứ ba đến khi đó, tất cả là 10 khoa để khắc tên vào bia đá, sai Công bộ khởi công dựng tạc bia. Đợt lập văn bia tiến sĩ đầu tiên này, Đỗ Nhuận cùng với Thân Nhân Trung, Đào Cừ, Đàm Văn Lễ, Lê Ngạn Tuấn, Nguyễn Đôn Phục, Nguyễn Xung Xác được phụng mệnh soạn các bài ký cho văn bia đề danh tiến sĩ các khoa thi này (Trịnh Khắc Mạnh (2008).

2.2. Trước tác của Đỗ Nhuận

Theo sử sách ghi chép lại, trước tác của Đỗ Nhuận có *Anh hoa hiếu trị thi tập*, 13 bài thơ phụng họa những bài thơ xướng của Lê Thánh Tông, bài ký văn bia tiến sĩ và *Thiên Nam dư hạ tập* soạn cùng với Thân Nhân Trung. Tuy nhiên, *Anh hoa hiếu trị thi tập* hiện đã thất truyền. Trong số 13 bài thơ phụng họa, bài *Phụng họa ngự chế Trú Giao thủy Giang* không phải của Đỗ Nhuận, vì bài này chỉ xuất hiện duy nhất trong văn bản *Minh Lương cảm tú* – ký hiệu A.254, giọng thơ “uớt át”, lắm điển cố, khác xa với phong cách thơ phụng họa của Đỗ Nhuận. 4 bài là *Phụng họa ngự chế Giao tướng anh hiền*, *Phụng họa ngự chế Kỳ khí*, *Phụng họa ngự chế Văn nhân*, *Phụng họa ngự chế Pháp cung ngẫu thành* mặc dù được chép trong nhiều văn bản, nhưng văn phong cũng khác lạ, dùng nhiều điển cố, trúc trắc khó hiểu, nên khả năng cũng khó có thể là thơ của Đỗ Nhuận. Còn 8 bài chắc chắn là thơ của Đỗ Nhuận, vì *ý thanh thoát mà sâu sắc, ít điển cố; câu thơ giàu hình tượng, chữ dùng giản dị chân thực*. 8 bài đó là: *Phụng họa ngự chế Anh tài tử*, *Phụng họa ngự chế Tư gia tướng sĩ*, *Phụng họa ngự chế Du Lục Vân động*, *Phụng họa ngự chế Bách cốc phong đăng*, *Phụng họa ngự chế Quân đạo*, *Phụng họa ngự chế Thần tiết*, *Phụng họa ngự chế Thư thảo hí thành*, *Phụng họa ngự chế Mai hoa* (Nguyễn Tuấn Lương, 1988).

Bài ký văn bia đề danh tiến sĩ khoa thi năm Mậu Thìn, niên hiệu Thái Hòa năm thứ sáu do Đỗ Nhuận phụng mệnh soạn hiện được lưu giữ trường tồn trên tấm bia tiến sĩ số 2 dựng tại Văn Miếu – Quốc Tử Giám (Trịnh Khắc Mạnh, 2008). Đặc biệt là bài ký đó còn được trích dẫn gần như nguyên vẹn trong *Đại Việt sử ký toàn thư*: "Sự nghiệp trị nước lớn lao của Đế vương, không gì cần kíp hơn nhân tài, điển chương chế độ đầy đủ của nhà nước, tất phải chờ ở bậc hậu thánh. Là bởi trị nước mà không lấy nhân tài làm gốc, chế tác mà không dựa vào thánh nhân đời sau thì đều chỉ là cầu thả tạm bợ mà thôi, sao có thể đạt tới chính trị phong hóa phồn vinh, văn vật điển chương đầy đủ? Kể từ Thái Tổ bắt đầu sửa sang việc học vào kỷ nguyên Thuận Thiên, Thái Tông mở khoa thi đầu vào năm Đại Bảo thứ 3, Nhân Tông chọn người hiền, dùng bậc giới, kính cẩn tôn theo phép cũ. Đến như việc dựng bia ở nhà Thái học thì vẫn để đó chưa làm; văn vật đầy đủ, như còn chờ bậc hậu thánh. Nay Thánh thượng như trời mở trung hưng, tự mình gánh vác đạo lớn, việc tôn sùng Nho giáo càng thành khẩn chăm lo. Huống chi nhân tài đã được các tiên thánh nuôi dạy từ lâu, hơn nữa lại nhờ công sức mười năm nâng vục. Trước đây 6 năm một lần thi lớn, nay thi chầm chước theo chế độ nhà Chu đã định là 3 năm. Trước kia lấy đỗ đều không quá hai ba chục người, nay thi rộng xét thực tài, không lo nhiều quá. Cho nên tôn trọng biểu dương,

đức ý rất hậu, ân vinh thứ bậc. tiết mục tận tường, vẹn toàn, rực rỡ, vượt cả xưa nay. Cho nên bia đá khắc tên, vẫn ghi việc thực, đặt ở cửa hiên, tường lệ kẻ sĩ, công việc làm của nhà vua tốt đẹp nhường nào. Thế thì triều Lê ta văn minh đầy đủ, khoa mục mở mang, mở nguồn từ thời Thuận Thiên, bắt đầu từ năm Đại Bảo, thịnh hành từ đời Thái Hòa, mà thịnh nhất vào đời Hồng Đức vậy. Nếu như không phải do Thánh thượng làm tròn trách nhiệm bậc thầy, thân hành nắm giữ quyền hành chế tác, thì sao có thể thực hiện cái chí của người trước chưa thực hiện được, hoàn thành sự nghiệp mà người trước chưa hoàn thành" (Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ, Quyển XIII, tờ 42a,b).

Thiên Nam dư hạ tập là bộ sách được phụng soạn bởi Đông các hiệu thư Đỗ Nhuận cùng Hàn lâm viện thừa chỉ Đông các đại học sĩ Thân Nhân Trung, Ngự sử đài phó đô ngự sử kiêm tả xuân phường tả trung doãn Quách Đình Bảo, Hàn lâm viện thị độc Đông các hiệu thư Đào Cừ, Hàn lâm viện thị thư Đàm Văn Lễ theo sắc dụ của vua Lê Thánh Tông năm 1483. Sách soạn xong, vua còn đề thơ vào bài tựa do Đại học sĩ Thân Nhân Trung viết. Thơ của vua gồm 4 câu rằng: *Hỏa thử thiên đoan bố, Bãng tâm ngũ sắc ty, Cánh câu vô địch thủ, Tài tác cốn long y* (Vải dệt lông chuột lửa, Lụa năm sắc tằm bằng, Lại tìm tay vô địch, Cát may áo cốn rồng). Đây là bộ sách mang tính chất hội yếu, ghi chép về điển chương, chế độ thời kỳ đầu của nhà Lê. Sách chắc chắn đã được chép làm nhiều bản, bởi tháng 9 năm Bính Thìn, niên hiệu Hồng Đức thứ 27 (1496), nhân dịp "lấy Đào Cừ làm Hàn lâm viện thị giảng Đông các học sĩ, vua ban cho (Đào Cừ) một bộ *Thiên nam dư hạ tập* và cho họa lại một bài thơ *Lương Giang dạ hứng*, lại cho 25 quan tiền" (Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ, Quyển XIII, tờ 75a). Tuy nhiên, theo thời gian, sách đã bị tan tác nhiều, mười phần may còn một. Theo *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, vào năm 1768, triều đình hạ chiếu tìm bộ *Thiên Nam dư hạ lục*. Về nội dung, quy mô cũng như hiện trạng tập sách, *Cương mục* chép: *Thánh Tông hạ lệnh cho bầy tôi nho học là bọn Thân Nhân Trung, Đỗ Nhuận soạn định tập sách chức quan chế bản triều (triều Lê) và điều lệ, điển chương, gồm 100 quyển, đặt tên sách là Thiên Nam dư hạ lục. Đến nay, sách ấy tan tác mất nhiều, nên hạ chiếu tìm kiếm* (Khâm định Việt sử thông giám cương mục, quyển 23, tờ 40).

Có thể nói, về mặt văn bản học, *Thiên Nam dư hạ tập* là văn bản phức tạp, đã được nhiều người quan tâm nghiên cứu và cũng đã có những kiến giải nhất định.

Trong *Di sản Hán Nôm Việt Nam thư mục đề yếu*, *Thiên Nam dư hạ tập* được biên mục ở số 3516, gồm 2 bản viết, có mục lục, có chữ Nôm, do Lê Thánh Tông chủ biên, Đỗ Nhuận, Nguyễn Trục biên soạn. 2 bản viết với ký hiệu A.334/1 – 10: 10 tập, 1676 trang, khổ 31x22 (tập 9 khổ 27x16) và VHv.1313/a – b: 2 tập, 392 trang, khổ 27x15. Nội dung sách gồm thơ, văn, điển lệ, điều luật, chinh chiến, quan chức, thiên văn, địa lý, lịch sử... của nhà Lê, từ Lê Thánh Tông trở về trước. Cụ thể: Tập 1. *Điều luật và Quan chế* (A.334/1 – 10); Tập 2. *Bình thi văn* (A.334/2); Tập 3. *Liệt truyện, Tạp thức* (A.334/3); Tập 4. *Khảo sử* (A.334/4); Tập 5. *Thi tập; Đối liên* (A.334/5); Tập 6. *Phủ tập* (A.334/6); Tập 7. *Thi tiền tập; Chinh tây ki hành; Minh lương cảm tú và Quỳnh uyển cửu ca* (A.334/7 và VHv.1313/a); Tập 8. *Chinh Chiêm Thành sự vụ; Chinh Tây ki hành* (A.334/8); Tập 9. *Điển lệ; Phủ tập* (A.334/9); Tập 10. *Thiên hạ bản đồ; Quan chế* (A.334/10).

Trước đó, trong cuốn *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm*, Trần Văn Giáp đã khảo rất kỹ về văn bản *Thiên Nam dư hạ tập*, với những kết luận xác đáng. Chúng tôi xin tóm lược những kết luận của Trần Văn Giáp ở một số điểm như sau:

Về nội dung, đây là bộ sách ghi chép các điển lệ, chế độ, chứ không phải là bộ sách mang tính chất bách khoa, bởi vậy *Thiên Nam dư hạ tập* không thể có các bài thơ hay bài văn của Lê Thánh Tông và các văn thần.

Về số lượng, đến đầu thế kỷ XIX, nguyên bản sách *Thiên Nam dư hạ tập* chỉ còn lại rất ít: bốn hoặc năm quyển.

Về hiện trạng, sách *Thiên Nam dư hạ tập* ở Thư viện Khoa học xã hội (nay đã chuyển toàn bộ sách Hán Nôm ở đây về Viện Nghiên cứu Hán Nôm) còn 10 tập (với các ký hiệu như đã trình bày), về số lượng, quá nhiều so với đầu thế kỷ XIX, về nội dung, chép linh tinh, tạp nhạp, lượm lặt ở nhiều nguồn khác nhau, sai khác quá nhiều so với nội dung của *Thiên Nam dư hạ tập* như đã được mô tả trong *Đại Việt sử ký toàn thư* và *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*. Bởi vậy, căn cứ rà soát nội dung cụ thể từng tập sách trong bộ 10 tập của *Thiên Nam dư hạ tập*, thì chỉ có 3 tập có thể là sách *Thiên Nam dư hạ tập* cũ còn sót lại. Đó là các tập: tập I (ghi chép các điều luật), tập IX (ghi chép các điều luật thi hành đời Quang Thuận, Hồng Đức, hôn giá lễ nghi đời Hồng Đức), tập X (ghi chép thiên hạ bản đồ tổng số, quan chế, điều lệ) (Trần Văn Giáp, 1984).

2.3. Thiên Nam Dư Hạ Tập trong hệ thống sử sách Việt Nam thời trung đại

Thiên Nam dư hạ tập là một bộ sách ghi chép các điển lệ, chế độ,... giống như các sách *Hội yếu* đời Đường, Tống, sách *Hội điển* đời Minh Thanh, bởi vậy, bộ sách là tư liệu quan trọng cho các sách sử về sau. Trong phần khảo cứu về *Thiên Nam dư hạ tập* trong *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm*, Trần Văn Giáp cũng chứng minh rằng các sách sử có trích dẫn *Thiên Nam dư hạ tập* đều dẫn phần nói về chế độ, điển cáo (Nguyễn Thanh Tùng, 2010). Ở đây chúng tôi xin khảo *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn và *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* của Quốc sử quán triều Nguyễn làm minh chứng.

Trong phần *Danh số phủ, huyện, tổng, xã, thôn, trang trại hai xứ Thuận Hóa và Quảng Nam* thuộc Quyển 1, *Phủ biên tạp lục*, Lê Quý Đôn đã xét theo *Thiên Nam dư hạ tập*, cụ thể là mục *Định bản đồ (Tổng số bản đồ thiên hạ)* trong đời Hồng Đức. Cụ thể như sau:

Thuận Hóa thừa tuyên sứ ty quản 2 phủ, 8 huyện 4 châu.

Phủ Tân Bình 2 huyện 2 châu là: huyện Khang Lộc 4 tổng 80 xã 7 thôn 4 trang; châu Bố chính 12 tổng 64 xã 24 phường 20 trang; châu Minh Linh 8 tổng 63 xã;

Phủ Triệu Phong 6 huyện 2 châu là: huyện Kim Trà 8 tổng 71 xã; huyện Đan Điền 8 tổng 65 xã; huyện Hải Lăng 7 tổng 75 xã; huyện Tư Vang 6 tổng 52 xã; huyện Điện Bàn 12 tổng 96 xã; huyện Vũ Xương 8 tổng 53 xã; châu Sa Bôi 10 tổng 68 xã; châu Thuận Bình 6 tổng 26 xã.

Quảng Nam thừa tuyên sứ ty quản 3 phủ 9 huyện.

Phủ Thăng Hoa 3 huyện là huyện Lê Giang 9 tổng 73 xã; huyện Hy Giang 8 tổng 58 xã; huyện Hà Đông 8 tổng 46 xã.

Phủ Tư Nghĩa 3 huyện là huyện Nghĩa Giang 12 tổng 93 xã; huyện Bình Sơn 6 tổng 70 xã, huyện Mộ Đức 6 tổng 53 xã.

Phủ Hoài Nhơn 3 huyện là huyện Bồng Sơn 7 tổng 32 xã, huyện Phù Ly 6 tổng 60 xã; huyện Tuy Viễn 6 tổng ... xã (Lê Quý Đôn, bản dịch 2007).

Trong phần *Chính biên* của *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Quốc sử quán triều Nguyễn đã 10 lần dẫn *Thiên Nam dư hạ tập*, chủ yếu các điều mục luật lệ, quan chế, địa danh hành chính,... Cụ thể gồm:

1. Thể lệ âm tử/âm sung - 03 điều (Chính biên - Quyển XIX).
2. Thể lệ quân 5 phủ - Phủ Trung quân 6 vệ, 31 sở; Phủ Đông quân 6 vệ, 31 sở; Phủ Nam quan 6 vệ, 31 sở; Phủ Tây quân 6 vệ, 30 sở; Phủ Bắc quân 6 vệ, 31 sở (Chính biên - Quyển XX).

3. Chú địa danh Bắc Bình (Chính biên – Quyển XX).
4. Thê lệ đặt, xét định chế độ quân ngũ các quân trong kinh và ngoài các đạo (Chính biên – Quyển XX).
5. Chú địa danh Quảng Nam (Chính biên – Quyển XXII).
6. Điền lệ quan chế đời Hồng Đức: các tước trong hoàng tông, các tước của bầy tôi có công, các tước về văn giai và võ giai, chế độ quan chức ở Nội điện, về thông tư, ... (Chính biên – Quyển XXII).
7. Chế độ cấp lộc cho các quan trong kinh và ngoài đạo (Chính biên – Quyển XXIII).
8. Tư cách quan chức trong kinh và ngoài kinh thành (Chính biên – Quyển XXIII).
9. Chế độ điền lộc (Chính biên – Quyển XXIII).
10. Chế độ đồn điền (Chính biên – Quyển XXIII).

Với những khảo cứu ban đầu, có thể khẳng định rằng *Thiên Nam dư hạ tập* là một trong những tư liệu quý trong lĩnh vực điền chế, pháp luật Việt Nam thời trung đại.

3. KẾT LUẬN

Từ những khảo cứu được trình bày, có thể khẳng định rằng Đỗ Nhuận là một nhân vật văn hóa chính trị tiêu biểu của thời Lê sơ, người đã để lại dấu ấn sâu đậm không chỉ trên lĩnh vực hành chính, giáo dục, mà còn trong các công trình văn hiến như *Thiên Nam dư hạ tập*. Việc ông được giao giữ chức Phó Nguyên súy Tao Đàn, chức quan Độc quyền (chấm thi), và đặc biệt là tham gia biên soạn bộ sách điền lệ quốc gia, cho thấy vai trò to lớn của ông trong việc hoạch định văn hóa chính trị và thể chế nhà nước.

Thiên Nam dư hạ tập, dù hiện nay chỉ còn lại dưới dạng những văn bản phân tán và nhiều dị bản, vẫn là một nguồn sử liệu quan trọng giúp phục dựng hệ thống điền chế thời Hồng Đức. Bộ sách này vừa phản ánh tư tưởng trị quốc của nhà vua, vừa là kết tinh của nỗ lực trước thuật tập thể trong đó Đỗ Nhuận giữ vai trò chủ lực. Từ góc nhìn văn bản học, việc nhận diện những phần “nguyên đích” trong *Thiên Nam dư hạ tập* cũng giúp ta hiểu thêm về quá trình hình thành và biến đổi của thư tịch Hán Nôm Việt Nam.

Với các đóng góp nêu trên, bài viết kỳ vọng sẽ góp thêm tiếng nói học thuật trong việc phục dựng giá trị của một bộ sách cổ – đồng thời khẳng định vị trí của một văn thân kiệt xuất trong dòng chảy lịch sử văn hóa dân tộc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ngô Sĩ Liên (1993), *Đại Việt sử ký toàn thư*. Dịch giả Viện Khoa học xã hội Việt Nam, nxb KHXH, Hà Nội.
2. Quốc sử quán triều Nguyễn (Soạn giả) (1998), *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Dịch giả Viện Sử học, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Lê Quý Đôn (Soạn giả) (2007), *Phủ biên tạp lục* (2007), Dịch giả Viện Sử học, nxb Văn hóa – Thông tin, Hà Nội.
4. Nguyễn Tuấn Lương (1988), Vấn đề văn bản trong thơ Đỗ Nhuận, *Tạp chí Hán Nôm*, số 1 (4).
5. Trần Văn Giáp (1984), *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm*, nxb Văn hóa, Hà Nội.
6. Trịnh Khắc Mạnh (2008), *Văn bia đề danh tiến sĩ Việt Nam*, nxb Giáo dục, Hà Nội.
7. Nguyễn Ngọc Nhuận (chủ biên), Lê Tuấn Anh, Trần Thị Kim Anh (2006), *Một số văn bản điển chế và pháp luật Việt Nam, Tập I*, nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
8. Nguyễn Thanh Tùng (2010), “Về lai lịch tập II, III, IV của bộ *Thiên Nam dư hạ tập* (10 tập) hiện còn”, *Thông báo Hán Nôm học 2010*, nxb KHXH, Hà Nội.

THIEN NAM DU HA TAP AND DAU AN TRUOC THUAT OF DO NHUAN

Abstract: *This article examines the political and cultural contributions of Do Nhuan (1446 – ?), a distinguished scholar-official during the Le So dynasty, with a particular focus on the Thien Nam du ha tap, an important compilation of imperial regulations and administrative codes. Through biographical study, analysis of literary works, and textual research, the article clarifies Do Nhuann’s central role in shaping early Hong Duc scholarship. It also discusses the complex textual history of Thien Nam du ha tap, tracing its presence in various historical chronicles and evaluating its significance as a primary source on Vietnamese imperial institutions.*

Keywords: *Imperial regulations; Do Nhuan; Hong Duc; Thien Nam Du Ha Tap; Le So dynasty; Sino-Nom texts.*

GIÁO DỤC KỸ NĂNG ĐỊNH HƯỚNG THỜI GIAN CHO TRẺ RỐI LOẠN PHỔ TỰ KỶ 5-6 TUỔI Ở TRƯỜNG MẦM NON HÒA NHẬP TRONG HOẠT ĐỘNG LÀM QUEN VỚI TOÁN: THỰC TRẠNG VÀ BIỆN PHÁP

Nguyễn Thị Thu Bắc

Trường Mầm non Thanh Giang, xã Nam Thanh Miện, thành phố Hải Phòng

Tóm tắt: Kỹ năng định hướng thời gian là một trong những năng lực cơ bản trong sự phát triển nhận thức và hành vi của trẻ mẫu giáo, giúp trẻ hiểu được chu trình thời gian, trật tự các sự kiện và hình thành khả năng lập kế hoạch. Đối với trẻ rối loạn phổ tự kỷ 5–6 tuổi, kỹ năng này càng cần thiết để hỗ trợ điều chỉnh hành vi, tăng tính tự lập và hòa nhập trong môi trường học tập. Bài viết phản ánh thực trạng giáo dục kỹ năng định hướng thời gian tại trường mầm non hòa nhập qua đánh giá của giáo viên và cha mẹ về mức độ cần thiết, mức độ thực hiện nội dung, phương pháp và các yếu tố ảnh hưởng. Từ đó, nghiên cứu đề xuất 07 biện pháp giáo dục kỹ năng định hướng thời gian trong hoạt động làm quen với Toán, gồm: sử dụng công cụ trực quan, xây dựng thói quen hằng ngày, áp dụng phương pháp dạy học có cấu trúc, tổ chức trò chơi, phối hợp gia đình, rèn kỹ năng giao tiếp gắn với thời gian và ứng dụng công nghệ.

Từ khóa: Hoạt động làm quen với Toán; kỹ năng định hướng thời gian; trẻ rối loạn phổ tự kỷ; trường mầm non hòa nhập.

Nhận bài ngày 15.08.2025; gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 26.9.2025

Liên hệ tác giả: Nguyễn Thị Thu Bắc; email: nguyenthubac110@gmail.com

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Khả năng nhận thức về thời gian của trẻ phát triển qua từng giai đoạn và giai đoạn 5-6 tuổi là thời điểm quan trọng trong quá trình chuyển từ tư duy trực quan sang tư duy logic, là thời điểm lý tưởng để bắt đầu giáo dục về khái niệm thời gian. Đối với trẻ rối loạn phổ tự kỷ, khả năng nhận thức và tổ chức thời gian thường bị suy giảm do ảnh hưởng của các rối loạn chức năng điều hành, làm trẻ gặp khó khăn trong việc hiểu trình tự sự kiện và thực hiện các hoạt động có chu trình [1]. Các nghiên cứu chỉ ra rằng trẻ rối loạn phổ tự kỷ thường không hiểu các khái niệm như “hôm qua - hôm nay - ngày mai” hoặc không biết cách ước lượng thời gian [2], [3].

Thực tế giáo dục hòa nhập tại Việt Nam cho thấy trẻ rối loạn phổ tự kỷ ở độ tuổi mầm non gặp rất nhiều khó khăn trong việc hình thành thói quen sinh hoạt và học tập có tổ chức, nguyên nhân chính là do thiếu khả năng nhận biết, tổ chức thời gian. Trong khi đó, nhiều giáo viên mầm non vẫn lúng túng trong việc lựa chọn nội dung và hình thức dạy kỹ năng sống cho trẻ rối loạn phổ tự kỷ trong các hoạt động học tập thường ngày. Hoạt động “làm quen với Toán” trong chương trình mầm non có tích hợp các nội dung liên quan đến định hướng thời gian như: trình tự các sự kiện, xác định buổi sáng - buổi chiều - buổi tối, phân biệt hôm qua - hôm nay - ngày mai, nhận biết đồng hồ và thời gian trong ngày. Đây là môi trường thuận lợi để giáo dục kỹ năng (GDKN) cho trẻ rối loạn phổ tự kỷ một cách trực quan, lặp lại, có quy luật - những điều kiện phù hợp với đặc điểm học tập của trẻ rối loạn phổ tự kỷ.

Hiện nay, đã có các nghiên cứu đã nhấn mạnh tầm quan trọng của can thiệp giáo dục sớm trong việc cải thiện kỹ năng định hướng thời gian ở trẻ em [4], [5], [6], [7]. Đặc biệt, các phương pháp giáo dục trực quan, như sử dụng đồng hồ màu, lịch trực quan và câu chuyện minh họa, được đề xuất là rất hiệu quả trong việc hỗ trợ trẻ rối loạn phổ tự kỷ hiểu và ứng dụng các khái niệm thời gian. Từ đó có thể thấy tầm quan trọng của việc thiết kế các can thiệp trực quan, có cấu trúc và được lặp lại trong bối cảnh hoạt động “Làm quen với Toán”, nhằm hỗ trợ trẻ rối loạn phổ tự kỷ 5–6 tuổi hình thành và vận dụng kỹ năng định hướng thời gian.

2. NỘI DUNG

2.1. Một số vấn đề lý luận về việc GDKN định hướng thời gian cho trẻ rối loạn phổ tự kỷ 5-6 tuổi trong hoạt động làm quen với Toán

Khái niệm: GDKN định hướng thời gian không chỉ dừng lại ở việc dạy trẻ phân biệt thời điểm hay đo lường thời gian, mà còn là một chiến lược giáo dục toàn diện, tích hợp đa lĩnh vực, hướng tới sự phát triển bền vững và hòa nhập hiệu quả của trẻ rối loạn phổ tự kỷ trong môi trường học tập chung.

Ý nghĩa của hoạt động làm quen với Toán trong GDKN định hướng thời gian: hoạt động làm quen với Toán trong chương trình giáo dục mầm non không chỉ giới hạn ở việc giúp trẻ nhận biết con số, hình dạng hay quy tắc đếm, mà còn mang ý nghĩa quan trọng trong việc phát triển các kỹ năng nhận thức nền tảng, trong đó có kỹ năng định hướng thời gian. Mỗi quan hệ giữa nội dung làm quen với Toán và việc phát triển kỹ năng định hướng thời gian ở trẻ mầm non, đặc biệt là trẻ rối loạn phổ tự kỷ, thể hiện rõ ở việc Toán học cung cấp công cụ giúp trẻ hiểu thế giới theo trật tự và quy luật. Trong các bài học Toán, trẻ được tiếp cận với khái niệm trình tự thông qua việc sắp xếp các sự kiện theo thứ tự trước - sau, sáng - chiều, thứ hai - thứ sáu, hoặc hoạt động theo chu kỳ ngày - đêm. Việc nhận diện các chuỗi hoạt động này giúp trẻ hình thành khái niệm về thời gian như một dòng chảy liên tục, từ đó biết được điều gì sẽ xảy ra tiếp theo vào thời điểm nào, trong bao lâu - những yếu tố cốt lõi của kỹ năng định hướng thời gian.

Nội dung GDKN định hướng thời gian ở trường mầm non hòa nhập trong hoạt động làm quen với Toán: nội dung GDKN định hướng thời gian cho trẻ rối loạn phổ tự kỷ 5–6 tuổi cần ngắn gọn, trực quan và bám sát đặc điểm nhận thức–ngôn ngữ–hành vi của trẻ, lồng ghép tự nhiên trong hoạt động “làm quen với Toán”. Trọng tâm gồm: (1) hình thành hiểu biết về trình tự sinh hoạt hằng ngày (đi học – ăn - ngủ - chơi - về) bằng tranh/ảnh để khởi tạo khái niệm dòng thời gian; (2) làm quen các đơn vị cơ bản (ngày–đêm; hôm qua–hôm nay–ngày mai; tuần–tháng) qua biểu tượng lặp lại, gắn với hoạt động cụ thể; (3) so sánh thời gian bằng các cặp khái niệm đối lập (dài - ngắn, trước - sau, sớm - muộn, nhanh - chậm) thông qua trò chơi và nhiệm vụ ngắn; (4) xác định vị trí thời gian của sự kiện trong đời sống (buổi sáng đi học, sinh nhật ngày mai, Tết vào mùa xuân); và (5) thực hành sử dụng biểu tượng thời gian (lịch lớp, bảng trình tự, đồng hồ hình ảnh, thẻ thời gian, bài Toán có yếu tố thời gian). Cấu trúc nội dung này giúp trẻ vừa rèn tư duy logic Toán, vừa tổ chức hành vi, giảm lo âu khi chuyển tiếp và tăng tính tự lập.

Phương pháp GDKN định hướng thời gian ở trường mầm non hòa nhập trong hoạt động làm quen với Toán: phương pháp cần linh hoạt, kết hợp trực quan, trò chơi, thực hành trải nghiệm, lặp lại có kiểm soát và dạy học có cấu trúc. Một số phương pháp nổi bật như: Phương pháp trực quan–minh họa sử dụng tranh ảnh, mô hình, lịch trực quan, đồng hồ học sinh, thẻ thời gian có màu sắc, giúp trẻ dễ nhận biết và ghi nhớ. Phương pháp trò chơi (đóng vai, đúng–sai) tạo môi trường tương tác để trẻ luyện phân tích trình tự sự kiện, phát triển giao tiếp và hành vi theo thời gian. Phương pháp thực hành trải nghiệm gắn với nhiệm vụ Toán học cụ thể, cho

phép trẻ ước lượng, tổ chức hành vi và kiểm soát thời gian trong thực tế. Phương pháp lặp lại có kiểm soát giúp trẻ hình thành phản xạ ổn định, củng cố trí nhớ và khả năng ứng dụng trong nhiều bối cảnh. Cuối cùng, phương pháp dạy học có cấu trúc tổ chức môi trường học tập có cấu trúc, cá nhân hóa, sử dụng bảng lịch, thẻ công việc và quy trình từng bước, giúp trẻ dự đoán, kiểm soát hành vi và học Toán có yếu tố thời gian hiệu quả.

2.2. Thực trạng GDKN định hướng thời gian cho trẻ rối loạn phổ tự kỷ 5-6 tuổi ở trường mầm non hòa nhập trong hoạt động làm quen với Toán

2.2.1. Tổ chức khảo sát

Mục đích khảo sát: Nhằm đưa ra bức tranh thực trạng kỹ năng định hướng thời gian của trẻ rối loạn phổ tự kỷ 5 - 6 tuổi; thực trạng GDKN định hướng thời gian cho trẻ rối loạn phổ tự kỷ 5-6 tuổi ở trường mầm non hoà nhập trong hoạt động làm quen với Toán, làm cơ sở cho việc đề xuất các biện pháp GDKN định hướng thời gian trong hoạt động làm quen với Toán phù hợp với trẻ.

Nội dung khảo sát: Thực trạng kỹ năng định hướng thời gian cho trẻ rối loạn phổ tự kỷ 5-6 tuổi ở trường mầm non hòa nhập trong hoạt động làm quen với Toán; thực trạng GDKN định hướng thời gian cho trẻ rối loạn phổ tự kỷ 5-6 tuổi ở trường mầm non hòa nhập trong hoạt động làm quen với Toán; thực trạng ảnh hưởng của các yếu tố đến GDKN định hướng thời gian cho trẻ rối loạn phổ tự kỷ 5-6 tuổi ở trường mầm non hòa nhập trong hoạt động làm quen với Toán.

Phương pháp khảo sát: Điều tra bằng phiếu hỏi đối với giáo viên và cha mẹ; quan sát lớp học, phỏng vấn giáo viên, cha mẹ để làm rõ kết quả nghiên cứu.

Địa bàn và khách thể khảo sát: Nghiên cứu tiến hành khảo sát trên 100 giáo viên mầm non hòa nhập, 31 cha mẹ trẻ rối loạn phổ tự kỷ có con 5-6 tuổi đang học mầm non hòa nhập tại một số trường mầm non hòa nhập trên địa bàn tỉnh Hải Phòng.

Thời gian khảo sát: 03 tháng, từ tháng 03 năm 2025 đến tháng 06 năm 2025.

2.2.2. Kết quả khảo sát

a) *Đánh giá của giáo viên và cha mẹ về nội dung GDKN định hướng thời gian cho trẻ rối loạn phổ tự kỷ 5-6 tuổi ở trường mầm non hoà nhập trong hoạt động làm quen với Toán*

Bảng 1: Đánh giá về mức độ cần thiết nội dung GDKN định hướng thời gian cho trẻ rối loạn phổ tự kỷ 5-6 tuổi ở trường mầm non hoà nhập trong hoạt động làm quen với Toán (GV=100; Cha mẹ=31; Chung=131) ($1 \leq M \leq 3$)

TT	Nội dung	Mức độ cần thiết			Giáo viên			Cha mẹ			Chung		
		M	SD	Thứ bậc	M	SD	Thứ bậc	M	SD	Thứ bậc			
1	Khám phá các dụng cụ đo thời gian	2,62	0,45	2	2,74	0,42	2	2,65	0,44	2			
2	Làm quen các đơn vị thời gian như: giây, phút, giờ	2,70	0,42	1	2,81	0,39	1	2,73	0,41	1			
3	Làm quen các đơn vị thời gian như: ngày, tuần, tháng, mùa, năm	2,58	0,47	4	2,65	0,46	4	2,60	0,47	4			
4	Luyện tập kỹ năng ước lượng các khoảng thời gian	2,60	0,48	3	2,71	0,44	3	2,63	0,47	3			
5	Luyện tập kỹ năng xác định các mối quan hệ và liên hệ về thời gian	2,57	0,49	5	2,60	0,45	5	2,58	0,48	5			
6	Rèn luyện kỹ năng thực hiện nhiệm vụ phù hợp với thời gian quy định	2,52	0,50	6	2,58	0,48	6	2,54	0,49	6			

*Ghi chú: N: tổng số mẫu; M: Điểm trung bình; SD: Độ lệch chuẩn.

Bảng 2: Đánh giá về mức độ thực hiện nội dung GDKN định hướng thời gian cho trẻ rối loạn phổ tự kỷ 5-6 tuổi ở trường mầm non hoà nhập trong hoạt động làm quen với Toán (GV=100; Cha mẹ=31; Chung=131) ($1 \leq M \leq 3$)

TT	Mức độ thực hiện Nội dung	Giáo viên			Cha mẹ			Chung		
		M	SD	Thứ bậc	M	SD	Thứ bậc	M	SD	Thứ bậc
1	Khám phá các dụng cụ đo thời gian	2,51	0,47	2	2,61	0,46	2	2,54	0,47	2
2	Làm quen các đơn vị thời gian như: giây, phút, giờ	2,58	0,46	1	2,70	0,42	1	2,61	0,45	1
3	Làm quen các đơn vị thời gian như: ngày, tuần, tháng, mùa, năm	2,41	0,50	4	2,48	0,49	4	2,43	0,50	4
4	Luyện tập kỹ năng ước lượng các khoảng thời gian	2,46	0,49	3	2,52	0,47	3	2,48	0,48	3
5	Luyện tập kỹ năng xác định các mối quan hệ và liên hệ về thời gian	2,35	0,52	5	2,42	0,48	5	2,37	0,51	5
6	Rèn luyện kỹ năng thực hiện nhiệm vụ phù hợp với thời gian quy định	2,28	0,53	6	2,35	0,50	6	2,30	0,52	6

*Ghi chú: N: tổng số mẫu; M: Điểm trung bình; SD: Độ lệch chuẩn.

Kết quả bảng 1 cho thấy cả hai nhóm đều đánh giá cao mức độ cần thiết của các nội dung, với điểm trung bình dao động từ 2,54 đến 2,73 trên thang đo 3 điểm. Đáng chú ý, nội dung “làm quen các đơn vị thời gian như giây, phút, giờ” được đánh giá là cần thiết nhất, với điểm trung bình của giáo viên là 2,70 và cha mẹ là 2,81, xếp thứ nhất ở cả hai nhóm và trung bình chung là 2,73. Điều này phản ánh nhận thức rõ ràng của người dạy và người chăm sóc về tầm quan trọng của việc giúp trẻ nhận thức về các mốc thời gian cơ bản - nền tảng cho tổ chức hoạt động học tập và sinh hoạt cá nhân.

Và bảng 2 cho thấy xu hướng đánh giá có phần tương đồng với mức độ cần thiết nhưng mức điểm trung bình nhìn chung thấp hơn, dao động từ 2,30 đến 2,61. Điều này cho thấy mặc dù các nội dung giáo dục được đánh giá là cần thiết, nhưng việc triển khai thực tế còn chưa đạt được hiệu quả như mong đợi. Nội dung “làm quen các đơn vị thời gian như giây, phút, giờ” tiếp tục đứng đầu (M = 2,61), cho thấy đây là nội dung dễ triển khai, dễ quan sát sự tiến bộ của trẻ và phù hợp với khả năng nhận thức của lứa tuổi mẫu giáo lớn.

Từ sự chênh lệch giữa mức độ cần thiết và mức độ hiệu quả, có thể thấy dù giáo viên và cha mẹ nhận thức đúng về vai trò của các nội dung giáo dục, song hiệu quả triển khai còn phụ thuộc nhiều vào phương pháp, điều kiện lớp học và mức độ can thiệp cá nhân. Điều này đặt ra yêu cầu cần thiết tăng cường các biện pháp hỗ trợ chuyên sâu, sử dụng thiết bị trực quan phù hợp, đồng thời phát triển tài liệu hướng dẫn xây dựng lộ trình dạy học từng bước - phù hợp với năng lực cá nhân và mức độ tự kỷ cụ thể của từng trẻ.

b) *Đánh giá của giáo viên và cha mẹ về các phương pháp GDKN định hướng thời gian cho trẻ rối loạn phổ tự kỷ 5-6 tuổi ở trường mầm non hoà nhập trong hoạt động làm quen với Toán*

Bảng 3: Đánh giá về mức độ sử dụng các phương pháp GDKN định hướng thời gian cho trẻ rối loạn phổ tự kỷ 5-6 tuổi ở trường mầm non hoà nhập trong hoạt động làm quen với Toán (GV=100; Cha mẹ=31; Chung=131) ($1 \leq M \leq 3$)

TT	Mức độ sử dụng Nhóm phương pháp	Giáo viên			Cha mẹ			Chung		
		M	SD	Thứ bậc	M	SD	Thứ bậc	M	SD	Thứ bậc
1	Trực quan	2,86	0,41	1	2,81	0,40	1	2,85	0,41	1
2	Dùng lời	2,69	0,47	2	2,66	0,46	2	2,68	0,47	2
3	Thực hành	2,65	0,45	3	2,60	0,44	3	2,64	0,45	3

*Ghi chú: N: tổng số mẫu; M: Điểm trung bình; SD: Độ lệch chuẩn.

Bảng 4: Đánh giá về mức độ hiệu quả các phương pháp GDKN định hướng thời gian cho trẻ rối loạn phổ tự kỷ 5-6 tuổi ở trường mầm non hoà nhập trong hoạt động làm quen với Toán (GV=100; Cha mẹ=31; Chung=131) ($1 \leq M \leq 3$)

TT	Mức độ hiệu quả Nhóm phương pháp	Giáo viên			Cha mẹ			Chung		
		M	SD	Thứ bậc	M	SD	Thứ bậc	M	SD	Thứ bậc
1	Trực quan	2,78	0,43	1	2,74	0,42	1	2,77	0,43	1
2	Dùng lời	2,64	0,45	2	2,61	0,44	2	2,63	0,45	2
3	Thực hành	2,51	0,47	3	2,49	0,46	3	2,50	0,47	3

*Ghi chú: N: tổng số mẫu; M: Điểm trung bình; SD: Độ lệch chuẩn.

Về mức độ sử dụng: Kết quả bảng 3 cho thấy mức độ sử dụng của ba nhóm phương pháp GDKN định hướng thời gian được đánh giá khá cao và có sự thống nhất tương đối giữa giáo viên và cha mẹ. Trong đó, nhóm phương pháp trực quan được cả hai nhóm đối tượng đánh giá là sử dụng nhiều nhất, với điểm trung bình ($M = 2,85$) và độ lệch chuẩn thấp ($SD = 0,41$), xếp thứ nhất trong cả ba cột giáo viên, cha mẹ và tổng hợp. Phương pháp trực quan bao gồm các hình thức như sử dụng tranh ảnh, đồng hồ mô hình, bảng biểu thời gian, video mô phỏng,... Đây là những công cụ giúp trẻ rối loạn phổ tự kỷ - vốn thường gặp hạn chế về ngôn ngữ và trí nhớ ngắn hạn - dễ dàng tiếp nhận và xử lý thông tin.

Về mức độ hiệu quả: Bảng 4 về mức độ hiệu quả cho thấy sự tương đồng cao với đánh giá về mức độ sử dụng, cho thấy giáo viên và cha mẹ không chỉ nhận thức đúng về vai trò các phương pháp mà còn trải nghiệm được hiệu quả thực tiễn khi áp dụng. Phương pháp trực quan tiếp tục giữ vị trí hiệu quả nhất, với điểm trung bình 2,77 (chung), đứng đầu cả ba nhóm đánh giá.

Từ các kết quả trên, có thể khẳng định rằng: các phương pháp trực quan và thực hành cần được ưu tiên hàng đầu, đóng vai trò là hai trụ cột trong dạy kỹ năng định hướng thời gian cho trẻ rối loạn phổ tự kỷ. Trong khi đó, phương pháp dùng lời cần được tối giản hóa, kết hợp với hình ảnh và hành động minh họa để đảm bảo hiệu quả tiếp nhận.

c) *Các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình GDKN định hướng thời gian cho trẻ rối loạn phổ tự kỷ 5-6 tuổi ở trường mầm non hoà nhập trong hoạt động làm quen với Toán*

Bảng 5: Đánh giá của cha mẹ và giáo viên về các yếu tố ảnh hưởng tới GDKN định hướng thời gian cho trẻ rối loạn phổ tự kỷ 5-6 tuổi ở trường mầm non hoà nhập trong hoạt động làm quen với Toán (GV=100; Cha mẹ=31; Chung=131) ($1 \leq M \leq 3$)

TT	Mức độ ảnh hưởng Nội dung	Giáo viên			Cha mẹ			Chung		
		M	SD	Thứ bậc	M	SD	Thứ bậc	M	SD	Thứ bậc
1.	Đặc điểm phát triển của trẻ	2,76	0,43	2	2,72	0,42	2	2,75	0,43	2
2.	Phương pháp giáo dục của giáo viên	2,83	0,41	1	2,79	0,40	1	2,82	0,41	1
3.	Sự tham gia của cha mẹ	2,70	0,45	3	2,68	0,44	3	2,69	0,45	3
4.	Thái độ của các bạn cùng lớp	2,54	0,47	5	2,50	0,48	5	2,53	0,47	5
5.	Môi trường học tập	2,66	0,46	4	2,61	0,46	4	2,65	0,46	4
6.	Tính chất của các hoạt động giáo dục	2,48	0,49	6	2,45	0,49	6	2,47	0,49	6
7.	Nguồn tài nguyên giáo dục	2,44	0,50	7	2,40	0,50	7	2,43	0,50	7
8.	Sự hỗ trợ từ các nhà chuyên môn	2,38	0,51	8	2,35	0,50	8	2,37	0,51	8

*Ghi chú: N: tổng số mẫu; M: Điểm trung bình; SD: Độ lệch chuẩn.

Trong bảng 5, đặc điểm phát triển của trẻ được đánh giá có ảnh hưởng lớn thứ hai đến hiệu quả tổ chức các hình thức GDKN định hướng thời gian, với điểm trung bình chung $M = 2,75$. Trẻ tự kỷ có sự phát triển không đồng đều về nhận thức, chú ý, hành vi và cảm xúc, do đó, hiệu quả của việc dạy kỹ năng thời gian phụ thuộc rất nhiều vào mức độ rối loạn, khả năng tiếp nhận thông tin và năng lực tự điều chỉnh của từng trẻ. Khi đặc điểm phát triển được xác định đúng và có biện pháp phù hợp, việc tổ chức hình thức học, chơi hay lao động đều có thể đạt kết quả tích cực.

Nội dung GDKN định hướng thời gian là rất cần thiết nhưng mức độ thực hiện còn hạn chế; phương pháp trực quan - thực hành tỏ ra hiệu quả nhất, trong khi hiệu quả chung phụ thuộc lớn vào cách tổ chức của giáo viên và sự phối hợp của gia đình. Vì vậy, cần ưu tiên các biện pháp trực quan, có cấu trúc và cá nhân hóa trong hoạt động làm quen với Toán, đồng thời tăng cường nguồn lực và hỗ trợ chuyên môn để thu hẹp khoảng cách “cần thiết - thực hiện”.

2.3. Đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao kỹ năng định hướng thời gian cho trẻ rối loạn phổ tự kỷ 5-6 tuổi

Các biện pháp được lựa chọn theo tiêu chí: khả thi trong bối cảnh mầm non hòa nhập, gắn liền với nội dung hoạt động “làm quen với Toán”, ưu tiên trực quan - thực hành - cấu trúc, tăng cường tính lặp lại có kiểm soát và liên kết chặt giữa nhà trường-gia đình. Hệ thống này không tách rời mà bổ trợ lẫn nhau, hướng tới cải thiện đồng thời ba nhóm kỹ năng: (i) xác định/ước lượng thời gian; (ii) hiểu và sử dụng quan hệ thời gian; (iii) thực hiện nhiệm vụ trong thời gian quy định. Trên cơ sở đó, phân dưới đây trình các biện pháp cụ thể:

Biện pháp thứ nhất: Sử dụng công cụ trực quan GDKN định hướng thời gian cho trẻ rối loạn phổ tự kỷ 5-6 tuổi ở trường mầm non hòa nhập trong hoạt động làm quen với Toán. Trẻ tự kỷ thường gặp khó khăn trong việc nhận biết, định lượng và ước lượng thời gian do hạn chế về khả năng trừu tượng hóa, trí nhớ ngắn hạn và sự chú ý không ổn định. Do đó, Việc áp dụng các công cụ trực quan như đồng hồ cát, đồng hồ mô hình, bảng lịch tranh hoặc sơ đồ trình tự hoạt động theo giờ giúp trẻ dễ dàng hình dung khái niệm thời gian vốn còn trừu tượng trở nên sinh động, cụ thể và gần gũi hơn.

Biện pháp thứ hai: Xây dựng thói quen hàng ngày GDKN định hướng thời gian cho trẻ rối loạn phổ tự kỷ 5-6 tuổi ở trường mầm non hòa nhập trong hoạt động làm quen với Toán. Việc hình thành thói quen sinh hoạt có trật tự theo thời gian cụ thể là yếu tố nền tảng để giúp trẻ rối loạn phổ tự kỷ nhận biết và sử dụng thời gian một cách hợp lý. Đối với trẻ trong độ tuổi mầm non, đặc biệt là trẻ rối loạn phổ tự kỷ, tính lặp lại và dự đoán được của các sự kiện theo thời gian không chỉ giúp trẻ cảm thấy an toàn mà còn hỗ trợ quá trình phát triển kỹ năng nhận thức về thời gian.

Biện pháp thứ ba: Sử dụng phương pháp giảng dạy có cấu trúc (TEACCH) GDKN định hướng thời gian cho trẻ rối loạn phổ tự kỷ 5-6 tuổi ở trường mầm non hòa nhập trong hoạt động làm quen với Toán. Phương pháp TEACCH là một mô hình giáo dục được thiết kế dành riêng cho trẻ rối loạn phổ tự kỷ. Với nguyên tắc “giảng dạy có cấu trúc”, phương pháp TEACCH nhấn mạnh việc bố trí môi trường học tập có cấu trúc, trong đó yếu tố không gian, trình tự thời gian, hoạt động học tập và giao tiếp được sắp xếp một cách rõ ràng và trực quan, phù hợp với đặc điểm tiếp nhận của trẻ rối loạn phổ tự kỷ.

Biện pháp thứ tư: Dạy kỹ năng định hướng thời gian (thông qua trò chơi) GDKN định hướng thời gian trong hoạt động làm quen với Toán cho trẻ rối loạn phổ tự kỷ. Các hoạt động trò chơi là hình thức giáo dục lý tưởng với trẻ mầm non nói chung và trẻ rối loạn phổ tự kỷ nói riêng, nhờ tính chất vui tươi, có yếu tố lặp đi lặp lại, đồng thời tạo ra cảm xúc tích cực giúp trẻ tiếp thu kiến thức nhẹ nhàng hơn.

Biện pháp thứ năm: Tăng cường sự tham gia của gia đình GDKN định hướng thời gian trong hoạt động làm quen với Toán cho trẻ rối loạn phổ tự kỷ. Để trẻ rối loạn phổ tự kỷ có thể phát triển và duy trì kỹ năng định hướng thời gian một cách hiệu quả, cần có sự phối hợp chặt chẽ và liên tục giữa môi trường gia đình và nhà trường. Công nghệ giáo dục, đặc biệt là các phần mềm học tập trực quan, đã và đang chứng minh vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ trẻ rối loạn phổ tự kỷ phát triển kỹ năng tư duy, ngôn ngữ và nhận thức.

Biện pháp thứ sáu: Cải thiện kỹ năng xã hội và giao tiếp liên quan đến thời gian. Đối với trẻ rối loạn phổ tự kỷ, một trong những khó khăn nổi bật là hạn chế trong kỹ năng xã hội và giao tiếp. Các biểu hiện như khó hiểu ngôn ngữ trừu tượng, chậm trong phản hồi lời nói, hoặc không biết cách duy trì tương tác xã hội ảnh hưởng trực tiếp đến việc học các khái niệm về thời gian. Khi trẻ không hiểu được lời nhắc như “đợi 5 phút nữa”, “hết giờ rồi” hay “sắp đến giờ chơi”, việc học Toán - đặc biệt là những nội dung có yếu tố thời gian - trở nên thiếu hiệu quả.

Biện pháp thứ bảy: Sử dụng công nghệ hỗ trợ GDKN định hướng thời gian trong hoạt động làm quen với Toán cho trẻ rối loạn phổ tự kỷ. Trong GDKN định hướng thời gian, việc ứng dụng công nghệ giúp trẻ tương tác với các khái niệm thời gian một cách sinh động, trực quan và dễ hiểu hơn thông qua các hình ảnh, âm thanh và mô phỏng thực tế.

3. KẾT LUẬN

Kỹ năng định hướng thời gian là năng lực nền tảng đối với trẻ rối loạn phổ tự kỷ 5–6 tuổi tại trường mầm non hòa nhập; tuy giáo viên và cha mẹ đều đánh giá rất cao tính cần thiết nhưng mức độ thực hiện còn hạn chế, vì vậy cần một hệ thống biện pháp đồng bộ, cá nhân hóa và có đánh giá liên tục. Bên cạnh đó, nhà trường cần lồng ghép mục tiêu định hướng thời gian vào kế hoạch giáo dục cá nhân; trang bị học liệu trực quan (lịch ảnh, đồng hồ màu, bảng trình tự) và học liệu số phù hợp; giáo viên cần vận dụng linh hoạt mô hình TEACCH, tăng cường trực quan–trò chơi–thực hành có thời hạn; bảo đảm nguyên tắc lặp lại, nhất quán và đánh giá thường xuyên để điều chỉnh kịp thời. Và gia đình duy trì lịch sinh hoạt cố định tại nhà, sử dụng lịch/tranh thời gian và các nhiệm vụ có giới hạn thời gian; trao đổi định kỳ với giáo viên để đồng bộ hỗ trợ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Allman MJ, Meck WH. (2012). Pathophysiological distortions in time perception and timed performance. *Brain*, 135(Pt 3):656-77, doi: 10.1093/brain/awr210, Epub 2011 Sep 15. PMID: 21921020; PMCID: PMC3491636.
2. Casassus M, Poliakoff E, Gowen E, Poole D, Jones LA. (2019). Time perception and autistic spectrum condition: A systematic review. *Autism Res*, 1440-1462, doi: 10.1002/aur.2170, Epub 2019 Jul 23, PMID: 31336032; PMCID: PMC6852160.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014). *Giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật*. Tài liệu bồi dưỡng giáo viên. Nxb Giáo dục Việt Nam.
4. Flavell, J. H. (1985). *Cognitive Development*. Prentice-Hall.
5. Hume, Kara & Wong, Plavnick, Josh & Schultz, Tia. (2014). *Visual supports for young children with ASD*. 10.1007/978-3-031-64499-3_17.
6. Montessori, M. (1912). *The Montessori Method*. Stokes Press.
7. Montgomery, A.J. (2018). *Teaching Time Concepts to Children with Autism*. Practical Education.

**TEACHING TIME ORIENTATION SKILLS TO CHILDREN
WITH AUTISM SPECTRUM DISORDER AT THE AGED 5–6
IN INCLUSIVE PRESCHOOLS THROUGH MATH
FAMILIARIZATION ACTIVITIES: CURRENT SITUATION
AND LESSONS LEARNED**

Abstract: *Time orientation skills are among the fundamental abilities in preschool children's cognitive and behavioral development, helping them understand temporal cycles, the sequence of events, and form planning abilities. For children with autism spectrum disorder (ASD) aged 5–6, these skills are even more essential to support behavioral regulation, foster independence, and promote inclusion in learning environments. The article reflects the current situation of teaching time orientation skills in inclusive preschools through teachers' and parents' assessments of necessity, content implementation, methods, and influencing factors. Accordingly, the study proposes seven measures for teaching time orientation skills within math familiarization activities, including using visual tools, establishing daily routines, applying structured teaching methods, organizing games, enhancing family involvement, fostering communication skills related to time, and integrating technology.*

Keywords: *Math familiarization activities; time orientation skills; children with autism spectrum disorder; inclusive preschool.*